

# Homework

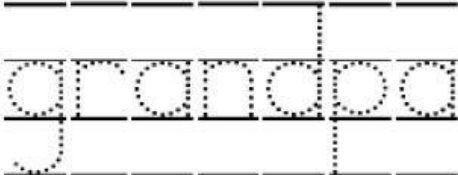
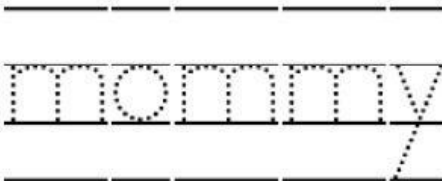
## Lesson 1: Vocabulary

New words:

- Grandma: bà
- Grandpa: ông
- Mommy: mẹ
- Daddy: bố
- Sister: chị gái/ em gái
- Brother: anh trai/ em trai
- Aunt: dì, cô, bác gái
- Uncle: chú, bác trai

Sentences: This is my ... .

Ex 1. Trace the words ( Luyện tô nét).

|                                                                                     |                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|                                                                                   |                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>daddy</p>                                                                         |
|  | <p>sister</p>                                                                        |
|  | <p>brother</p>                                                                       |
| <p>aunt</p>                                                                       |   |
| <p>uncle</p>                                                                      |  |

Ex 2. Circle to correct word (Nhìn hình và khoanh đáp án đúng).

|                                                                                     |         |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|
|    | Mommy   | Grandma |
|    | Daddy   | Mommy   |
|   | Grandma | Grandpa |
|  | Mommy   | Daddy   |
|  | Sister  | Brother |
|  | Sister  | Daddy   |